

Số 1644 /CV -GD - KTTC

TP.HCM, ngày 22 tháng 8 năm 2021

V/v : "Giải trình Báo cáo kế toán
6 tháng đầu năm 2021"

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin tại Sở GDCK Hà Nội ban hành theo quyết định số 606/QĐ-SGDCK Hà Nội .

Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định và Báo cáo soát xét thông tài chính giữa niên độ số 196/2021/BCSX-HCM.00131 do Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam lập ngày 11/8/2020.

Qua số liệu 6 tháng năm 2021 so với số liệu cùng kỳ 6 tháng năm 2020 có sự thay đổi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên 10%, Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định xin giải trình như sau:

I. Số liệu cụ thể:

Chỉ tiêu	6 tháng/2021	6 tháng/2020	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.077.137.215	6.306.600.361	5.770.536.854

6 tháng đầu năm 2021 so với 6 tháng đầu năm 2020 lợi nhuận sau thuế tăng 5.770.536.854 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng là 91,50%.

II. Thuyết minh giải trình một số chỉ tiêu biến động lớn:

Chỉ tiêu	6 tháng/2021	6 tháng/2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Doanh thu thuần	298.145.989.217	277.766.252.001	20.379.737.216	7,34%
2. Chi phí lương	37.589.046.505	34.679.060.866	2.909.985.639	8,39%
3. Chi phí sửa bể và thay đồng hồ nước định kỳ	8.432.103.346	4.398.465.872	4.033.637.474	91,70%
4. Chi phí chống thất	7.775.140.066	9.897.277.516	-2.122.137.450	-21,44%

thoát nước				
5. Cp CCDC	2.192.834.704	770.573.423	1.422.261.281	184,57%
6. Cp khác	15.065.835.217	9.568.644.461	5.497.190.756	57,45%
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.796.085.151	1.399.143.453	1.396.941.698	99,84%

- Đơn giá bán bình quân 6 tháng/2021 là 11.146 đồng/m³ tăng 673 đồng/m³ so với đơn giá bán bình quân 6 tháng / 2020 là 10.473 đồng/m³, do đó làm tăng doanh thu thuần 6 tháng/2021 so với 6 tháng/2020 là 20.379.737.216 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 7,34%.
- Tiền lương của người lao động và người quản lý 6 tháng/2021 tăng so với 6 tháng/2020 là: 2.909.985.639 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 8,39%.
- Chi phí sửa bể, thay đồng hồ nước định kỳ 6 tháng/2021 tăng 4.033.637.474 đồng so với 6 tháng/2020, tương ứng tỷ lệ tăng 91,70% là do Công ty đã ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao công tác quản lý và giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu, thực hiện thí điểm lắp đặt đồng hồ nước thông minh đọc số từ xa (ĐHN có yếu tố điện tử) thay thế cho đồng hồ cơ cho 3/82 DMA trên địa bàn Công ty quản lý.
- Do tình hình dịch bệnh Covid-9 nên Công ty chưa thể triển khai các công trình giảm nước thất thoát thất thu cũng như công tác quyết toán hồ sơ các công trình đã thi công xong còn hạn chế nên chi phí chống thất thoát nước 6 tháng/2021 đã giảm so với 6 tháng/2020 là: 2.122.137.450 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 21,44%
- Năm 2021 chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng được phân bổ thêm chi phí trang bị nội thất văn phòng phát sinh từ việc sửa chữa trang bị lại nội thất tòa nhà trụ sở làm việc từ tháng 12/2020 đã làm khoản chi này tăng so với 6 tháng/2020 là: 1.422.261.281 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 184,57%.
- Chi phí khác 6 tháng /2021 tăng so với 6 tháng /2020 là 5.497.190.756 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 57,45%.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng/2021 tăng so với 6 tháng/2020 là 1.396.941.698 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 99,84%.

Và một số chỉ tiêu có chi phí biến động tăng giảm nhỏ bù trừ qua lại.

Thể hiện trên đây là các chỉ tiêu biến động lớn của 6 tháng/2021 so với 6 tháng/2020 đã ảnh hưởng tăng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 5.770.536.854 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng là 91,50%; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng/2021 là 12.077.137.215 đồng, đạt 65,28% kế hoạch lợi nhuận năm 2021.



III. Giải trình vấn đề trình bày lại số dư đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2020:

Theo thông báo số kết quả kiểm toán 664/TB-KV IV ngày 31/12/2020 của Kiểm toán Nhà Nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 tại Công ty cổ phần cấp nước Gia Định, Công ty đã thực hiện kiến nghị Kiểm toán Nhà nước điều chỉnh hồi tố sổ kế toán, báo cáo tài chính tại niên độ tài chính năm 2019, do đó dẫn đến việc trình bày lại số dư đầu năm trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020.

Vì vậy trong báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam có nêu do điều chỉnh hồi tố: “Số dư cuối năm trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã áp dụng hồi tố và được trình bày lại theo Biên bản kiểm toán ngày và Thông báo kết quả kiểm toán số 664/TB-KV IV ngày 31/12/2020 của Kiểm toán Nhà Nước, Công ty trình bày lại các số liệu của kỳ trước theo kết luận này. Việc trình bày lại dẫn đến số dư đầu năm trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại như sau”:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2019 Số liệu đã phát hành VND	01/01/2020 Số liệu trình bày lại VND	Thay đổi thuần VND
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.979.417.059	3.135.112.249	155.695.190
1. Hàng tồn kho	141	14.868.482.768	16.316.065.647	1.447.582.879
1. Tài sản cố định hữu hình	221	154.707.055.037	157.250.325.427	2.543.270.390
- Nguyên giá	222	458.932.449.162	461.606.590.188	2.674.141.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(304.225.394.125)	(304.356.264.761)	(130.870.636)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.894.270.818	7.510.599.966	1.616.329.148
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	82.569.556.554	81.645.562.540	(923.994.014)
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	7.511.339.826	3.697.136.569	(3.814.203.257)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.838.467.629	7.030.387.024	2.191.919.395
4. Phải trả người lao động	314	11.916.174.359	11.410.393.343	(505.781.016)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.439.991.072	31.254.927.571	8.814.936.499
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a	5.327.946.799	5.327.946.799	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	17.112.044.273	25.926.980.772	8.814.936.499

106
G 1
H
NU
ĐỊ
-T.P

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019 Số liệu đã phát hành VND	Năm 2019 Số liệu trình bày lại VND	Thay đổi thuần VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	519.205.577.321	519.711.358.337	505.781.016
8. Chi phí bán hàng	25	120.502.344.789	114.895.162.372	(5.607.182.417)
11. Thu nhập khác	31	545.218.808	5.283.416.079	4.738.197.271
12. Chi phí khác	32	660.667.264	594.769.264	(65.898.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21.001.015.189	31.918.073.893	10.917.058.704
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.888.970.916	5.991.093.121	2.102.122.205
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17.112.044.273	25.926.980.772	8.814.936.499

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019 Số liệu đã phát hành VND	Năm 2019 Số liệu trình bày lại VND	Thay đổi thuần VND
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.001.015.189	31.918.073.893	10.917.058.704
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	467.714.746	312.019.556	(155.695.190)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	82.447.855	(1.365.135.024)	(1.447.582.879)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể	11	30.159.526.110	25.005.345.013	(5.154.181.097)
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(13.034.092.183)	(17.193.691.721)	(4.159.599.538)
và các tài sản dài hạn khác				

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Như trên
- KTTC
- Lưu (D.5)



NGUYỄN CÔNG MINH

